

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thúc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Diễm Phúc và bà Nguyễn Thị Thanh Phượng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trà Thị Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan H, sinh năm 1981; địa chỉ: TDP I, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai; có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mai H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm B, thôn T, xã P, huyện P, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn- anh Phan H trình bày:

Anh Phan H và chị Nguyễn Thị Mai H1 tìm hiểu nhau một thời gian rồi tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 16/8/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, bản thân anh H thừa nhận anh cũng ham vui chơi, cá độ bóng đá, chị H1 nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Một thời gian sau, chị H1 đưa các con về quê sinh sống và làm việc tại thôn T, xã P, huyện P, thành phố H; từ đó hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Anh H có nhiều lần về thăm con

nhưng tình cảm vợ chồng thì không thể hàn gắn. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Nay anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai H1.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có 03 người con chung là cháu Phan Nguyễn Diễm Q, sinh ngày 22/6/2005; cháu Phan Phú N, sinh ngày 18/12/2006 và cháu Phan Khánh T, sinh ngày 01/5/2012; các con chung hiện đang sinh sống cùng chị H1.

Đối với con chung Phan Nguyễn Diễm Q và Phan Phú N đã thành niên, đủ 18 tuổi nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung là Phan Khánh T cho chị Nguyễn Thị Mai H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Phan Khánh T, sinh ngày 01/5/2012 mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Trường thành N1, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2024, bị đơn- chị Nguyễn Thị Mai H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, quá trình kết hôn và đăng ký kết hôn như nguyên đơn khai là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không quan tâm, chăm sóc vợ con, thường xuyên ham mê cờ bạc, dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, thậm chí anh H còn có hành vi đánh đập chị H1. Do không thể chung sống với nhau nên chị H1 đưa con về nhà ngoại sinh sống tại thôn T, xã P, huyện P, thành phố H. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân không còn liên lạc với nhau, anh H không quan tâm cũng như không chu cấp nuôi con. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con thì chị H1 chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh Phan H nói chuyện với bố mẹ anh H để lại cho chị và các con nhà đất của bố mẹ anh H mà mẹ con chị đang ở để chị có chỗ ở nuôi dưỡng các con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan H, cho anh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai H1.

- Về con chung: Đối với con chung Phan Nguyễn Diễm Q, sinh ngày 22/6/2005 và Phan Phú N, sinh ngày 18/12/2006 đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Giao cháu Phan Khánh T, sinh ngày 01/5/2012 cho chị Nguyễn Thị Mai H1 nuôi dưỡng và anh H cấp dưỡng nuôi cháu Phan Khánh T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H1, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

- Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí giải quyết cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phan H và chị Nguyễn Thị Mai H1 chung sống với nhau, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về quá trình hôn nhân giữa anh H và chị H1, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình sống chung, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Do đó, anh H và chị H1 đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Tòa án đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H1 đều vắng mặt, đã chứng tỏ chị H1 có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Như vậy, vợ chồng anh H, chị H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H, cho anh H được ly hôn với chị H1 là đúng quy định của pháp luật như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Anh H và chị H1 có 03 người con chung là cháu Phan Nguyễn Diễm Q, sinh ngày 22/6/2005; cháu Phan Phú N, sinh ngày 18/12/2006 và cháu Phan Khánh T, sinh ngày 01/5/2012; các con chung hiện đang sinh sống cùng chị H1.

Đối với con chung Phan Nguyễn Diễm Q và Phan Phú N đã thành niên, đủ 18 tuổi nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Phan Khánh T có nguyện vọng muốn ở với mẹ nên cần giao cháu Phan Khánh T cho chị Nguyễn Thị Mai H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi là đúng quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét anh H đề nghị cấp dưỡng nuôi cháu Phan Khánh T, sinh ngày 01/5/2012 mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Trường thành N1, đủ 18 tuổi là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí giải quyết cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan H, cho anh Phan H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai H1.

[2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Đối với con chung Phan Nguyễn Diễm Q, sinh ngày 22/6/2005 và Phan Phú N, sinh ngày 18/12/2006 đã thành niên, đủ 18 tuổi nên không giải quyết.

Đối với con chung Phan Khánh T: Giao con chung Phan Khánh T, sinh ngày 01/5/2012 cho mẹ là chị Nguyễn Thị Mai H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên, đủ 18 tuổi; anh Phan Huy Đ tiền cấp dưỡng nuôi con chung Phan Khánh T mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trường thành N1, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phan H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Anh Phan H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí giải quyết cấp dưỡng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001978 ngày 16/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố H; anh H phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND TT. Ph, huyện K, tỉnh Gia Lai (ĐKKH ngày 16/8/2004);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúc Mỹ